TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **82**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 10 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024 về việc yêu cầu: *"Công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông Trần Viết Th, sinh năm: 1981. Trú tại: K90/H21/10 Nguyễn P, phường T, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1983. Trú tại: K90/H21/10 Nguyễn P, phường T, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung

thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Th và bà S lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Th và bà S đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Th và bà S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Th và bà S là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng có 03 người con chung tên là Trần Thị Nhật Ph, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006, Trần Nhật H, sinh ngày 23 tháng 07 năm 2012, Trần Nhật M, sinh ngày 02 tháng 05 năm 2020. Ly hôn ông Th và bà S thống nhất và thoả thuận giao 03 con Nhật Ph, và Nhật M, Nhật H cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng/01 tháng/03 con (mỗi con 2.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/06/2024.

Xét yêu cầu về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S đã nộp tại biên lai thu số 0001935 ngày 04 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 05 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa* ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S *nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 82/2006 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng cấp ngày 10/7/2006 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng có 03 người con chung tên là Trần Thị Nhật Ph, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2006, Trần Nhật H, sinh ngày 23 tháng 07 năm 2012, Trần Nhật M, sinh ngày 02 tháng 05 năm 2020. Ly hôn ông Th và bà S thống nhất và thoả thuận giao 03 con Nhật Ph, và Nhật M, Nhật H cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng/01 tháng/03 con (mỗi con 2.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/06/2024.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng, ông Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do Trần Viết Th và bà Nguyễn Thị Thu S đã nộp tại biên lai thu số 0001935 ngày 04 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Dương Thị Kim Nhung